TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HS-ST
Ngày: 27-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Ngọc Tân

Bà: Lê Thị Đào

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: ông Đinh Thế Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Trương Đức S, sinh ngày 26/3/1991 tại xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: xóm Heo, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trương Đức Ng (đã chết) và bà Quách Thị V; vợ là Lương Thị L (đã ly hôn), con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: 01. Ngày 04/11/2022 Công an thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 214/QĐ-XPHC đối với Trương Đức S về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 2.500.000đ, ngày 07/11/2022 Trương Đức S đã nộp phạt, nay chưa

hết thời hiệu để xóa vi phạm; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

-*Người bị hại:*

+ Chị Bùi Thị A, sinh năm 1990; Nơi thường trú: thôn Rộc Trụ, xã Khoan Dụ, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình; nơi ở hiện tại: khu phố Tây Bắc, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Anh Bùi Thành T, sinh năm 1991

Trú tại: khu phố Yên Phong, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

Bà Trương Thị Nh, sinh năm 1958

Trú tại: khu phố Tây Bắc, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 08/01/2023, Trương Đức S từ nhà một mình đi bộ đi chơi sau đó xuống nhà anh Bùi Văn Mừng, trú tại khu phố Tây Bắc, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình để chơi. Khi đến nơi, S đi vào phía trong nhà nhìn thấy bố anh Mừng là ông Bùi Văn Mải đang nằm ngủ, S quan sát xung quanh thì phát hiện 01 chiếc điện thoại di động (nhãn hiệu Iphone XR, màu trắng, cũ đã qua sử dụng có gắn thẻ sim số: 0378618467 của chị Bùi Thị Anh để trên bàn. Hiện chị Anh ở nhà bố mẹ đẻ của mình và đang đi chăn thả gia súc. Khi thấy chiếc điện thoại, S đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Lợi dụng xung quanh không có ai, ông Mải đang ngủ say, S đi đến gần dùng tay trái lén lút lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần bên trái phía trước của mình và đi luôn về nhà tại xóm Heo, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Trên đường đi bộ về, S tháo sim trong điện thoại, mở máy (máy không có mật khẩu) và xóa hết dữ liệu cuộc gọi đi, đến, ảnh, video và danh bạ trong máy với mục đích khi đi bán không bị lộ nguồn gốc của chiếc điện thoại. Trưa ngày 09/01/2023, S đem chiếc điện thoại đi ra quán mua bán điện thoại của anh Bùi Thành T, tại khu phố Yên Phong, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình để bán, tuy nhiên S chỉ hỏi giá nhưng chưa bán. Đến S ngày 10/01/2023, S nhờ bạn là Bùi Văn Thi, trú tại xóm Chồn Nâu, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình điều khiển xe mô tô chở S đến cửa hàng điện thoại của anh T mà ngày hôm trước S đã đến. Sau khi thỏa thuận và thống

nhất, S đồng ý bán cho anh T chiếc điện thoại trên với giá: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Có được tiền do bán điện thoại, S đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 18/01/2023, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, S đã đến Công an huyện Yên Thủy xin đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 18/01/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra quyết định truy tìm chiếc điện thoại là vật chứng trong vụ án. Cùng ngày anh Bùi Thành T là người mua chiếc điện thoại trên đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 19/01/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Yên Thuỷ kết luận: "*Giá trị 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 08/01/2023 là: 5.666.666 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu sáu đồng)*.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSYT ngày 30/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy đã truy tố Trương Đức S về tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, sau khi xem xét đánh giá toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trình bày quan điểm và luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trương Đức S từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Bùi Thị Anh đã nhận lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, tại phiên tòa hôm nay chị Anh vắng mặt nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra chị không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên không đề cập giải quyết.

-Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thành T yêu cầu bị cáo Trương Đức S phải bồi thường số 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền mua điện thoại do bị cáo S trộm cắp được mà có. Xét yêu cầu của anh T là thực tế, khi mua điện thoại của S anh T không biết chiếc điện thoại do bị cáo S trộm cắp mà có, nên buộc bị cáo S phải bồi thường cho anh T.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động (nhãn hiệu Iphone XR, màu trắng, cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu hợp là chị Bùi Thị Anh là đúng pháp luật nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo Trương Đức S đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy truy tố.

Bị cáo S nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Yên Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người có thẩm quyền T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người có thẩm quyền T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo là rõ ràng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu được cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 08/01/2023, tại gia đình ông Bùi Văn Mải trú tại khu phố Tây Bắc, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, khi đến chơi bị cáo Trương Đức S đã lợi dụng sự sơ hở trong lúc ông Mải đang ngủ, xung quanh không có ai, S có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu trắng, cũ đã qua sử dụng của chị Bùi Thị Anh (con gái ông Mải) để trên bàn trong nhà, chiếc điện thoại có trị giá 5.666.666đ *(*Năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu sáu đồng). Hành vi của bị cáo Trương Đức S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi nêu trên của bị cáo S là nguy hiểm gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn huyện Yên Thủy; đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là những khách thể được luật hình sự Việt Nam nghiêm cấm và bảo vệ, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã trưởng thành, có đủ

năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức việc làm của mình là sai trái. Xong vì muốn kiếm lời bất chính và coi thường pháp luật nên bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại, lỗi của bị cáo trong vụ án là cố ý trực tiếp. Do đó cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Trương Đức S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị Công an thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 214/QĐ-XPHC ngày 04/01/2022 về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền, Trương Đức S đã chấp hành xong hình phạt, nhưng còn chưa hết thời hiệu để xóa vi phạm thì S lại tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản, do vậy cần được xem xét khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; bị cáo ra đầu thú, gia đình có ông ngoại Quách Văn Dũng là Liệt Sỹ, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp nên coi đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải bắt bị cáo cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trương Đức S không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Bùi Thị Anh đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, tại phiên tòa hôm nay chị Anh vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra chị Anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự nên không đề cập giải quyết.

-Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thành T là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu trắng của S với số tiền là 4.000.000đ, khi mua anh T không biết chiếc điện thoại do bị cáo S trộm cắp mà có,

nên anh T không có lỗi, hiện chiếc điện thoại đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho bị hại chị Bùi Thị Anh. Nay anh T yêu cầu bị cáo S phải bồi thường số tiền 4.000.000đ nên buộc bị cáo S phải bồi thường cho anh T số tiền anh T yêu cầu là có căn cứ.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu trắng, cũ đa qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị Anh là đúng pháp luật. Nay Hội đồng xét xử không đề cấp giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Trương Đức S bị kết án nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 331, điều 332, điều 333, điều 334 và điều 335 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về vấn đề khác: Trong vụ án có Bùi Văn Thi là người đưa bị cáo S đi bán chiếc điện thoại vào ngày 10/01/2023, qua điều tra xác định hiện Thi không có mặt tại địa phương, S cũng khai nhận Thi không biết việc S trộm cắp chiếc điện thoại và cũng không được hưởng lợi gì từ việc chở S đi bán. Do vậy Cơ quan Cảnh sát Điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ nếu có vi phạm sẽ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với Bùi Thành T là người đã mua chiếc điện thoại do bị cáo trộm cắp được mà có. Qua điều tra đã làm rõ khi mua T không biết nguồn gốc chiếc điện thoại và việc trộm cắp của bị cáo S. Quá trình điều tra anh T đã tự nguyện giao nộp lại điện thoại, do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xử lý hành vi của anh T là có căn cứ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Đức S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Đức S 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/01/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 579 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trương Đức S phải chịu trách nhiệm bồi thường trả cho anh Bùi Thành T số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thanh toán khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức mức lãi xuất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trương Đức S phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo Trương Đức S có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh HB;
- VKSND tỉnh Hoà Bình;
- VKSND huyện Yên Thuỷ;
- TTGCA tỉnh Hòa Bình;
- Thi hành án dân sự H. Yên Thuỷ;
- Bị cáo Trương Đức S;
- Người bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- Lưu HS vụ án; lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(*Đã ký*)

Bùi Thị Lan